TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2230/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Khê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Giàu

2. Ông Trần Đăng Vạn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Trương Thị Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1485/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3259/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thùy D, sinh năm 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 0/29 Đường 11, Tổ 1, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 6/18 Đường 31, Khu phố Long Hòa, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Quang T, sinh năm 1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 0/29 Đường 11, Tổ 1, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 17A5 Đường 11, Tổ 7, khu phố T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Cao Thị Thùy D, ông Trần Quang T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Cao Thị Thùy D trình bày:

Bà và ông Trần Quang T tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng, cuộc sống chung hạnh phúc đến khi con chung của ông bà là trẻ Trần Quang K được một tuổi (tức khoảng năm 2011) thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Bà và gia đình chồng có xung đột, không hòa thuận; Bà cảm thấy ông T không còn tình cảm với Bà. Bà đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án khuyên nhủ và ông T cũng hứa sẽ thay đổi nên bà đã rút đơn về. Từ tháng 10 năm 2021 đến nay ông bà sống ly thân. Nay bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, không thể hàn gắn, đoàn tụ, vợ chồng không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quang T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Quang K, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Trần Quang K; bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà D tự khai không có.

Bị đơn ông Trần Quang T trình bày tại bản tự khai đề ngày 02 tháng 12 năm 2012:

Ông và bà D tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ có mâu thuẫn giữa bà D với em gái và ba ruột của Ông do các bên không hiểu nhau. Ông xác định vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn với bà Cao Thị Thùy D. Ông mong muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng Ông.

Về con chung: Ông xác nhận có 01 người con chung tên Trần Quang K, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010. Trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Trần Quang K. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông tự khai không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Cao Thị Thùy D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật; Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Cao Thị Thùy D được ly hôn với ông Trần Quang T; Về con chung: Giao bà D trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Trần Quang K, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010, ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có; Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn, ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Cao Thị Thùy D nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quang T, ông T hiện đang cư trú tại phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Cao Thị Thùy D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông T.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà Cao Thị Thùy D và ông Trần Quang T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 172/2009, quyển số 01 nên hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp.

Theo lời khai của bà D thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bà và gia đình chồng không hòa thuận, ông T không còn tình cảm với bà, dù đã cho cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông T.

Bản thân ông T cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn và ông vẫn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn và có mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Tuy nhiên Tòa án tống đạt triệu tập ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Trần Quang T không đến Tòa án, chứng tỏ ông T đã bỏ mặc không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân. Do đó, hôn nhân giữa bà D và ông T có phát sinh mâu thuẫn là phù hợp với lời khai của bà D.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị Thùy D đối với ông Trần Quang T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Quang K, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010. Xét, bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Quang K và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T đồng ý giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trẻ Trần Quang K cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Trần Quang K là có căn cứ nên chấp nhận.

Việc ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Bà D, ông T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Cao Thị Thùy D phải chịu án ly hôn, ông Trần Quang T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Thùy D được ly hôn với ông Trần Quang T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 172/2009, quyển số 01, đăng ký ngày 07 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Trần Quang K, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2010. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Cao Thị Thùy D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Quang T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Đương sự tự khai không có.

2. Về án phí: Bà Cao Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà D đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: AA/2021/0024649 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND p. Long Bình, Tp. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Khê

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 4365/2022/QĐ-SCBSBA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố T, ngày 01 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án trong Bản án số 2230/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, giữa:

3. Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thùy D, sinh năm 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 0/29 Đường 11, Tổ 1, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 6/18 Đường 31, Khu phố Long Hòa, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bị đơn: Ông Trần Quang T, sinh năm 1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 0/29 Đường 11, Tổ 1, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 17A5 Đường 11, Tổ 7, khu phố T, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 2230/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Tại dòng thứ 1, 2, 3, 4, 5 từ dưới lên của trang 5 của bản án đã ghi:

"**2.** Về án phí: Bà Cao Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà D đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: AA/2021/0024649 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

"**2.** Về án phí: Bà Cao Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà D đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: AA/2021/0024649 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Khê